

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/03/2026

“V/v không công nhận quan
hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Ông Ngô Văn Cơ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ. Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung là quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh ngày: 01/04/1979

Địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Võ Văn K**, sinh ngày 01/01/1971

Địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện (yêu cầu tuyên bố quan hệ sống chung không phải là vợ chồng) ngày 29/10/2025 nguyên đơn Phạm Thị L trình bày: Vào năm 1998

bà và ông Võ Văn K sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa bà L và ông K hạnh phúc thời gian đầu, hai người sống chung với nhau tại khu vực K, phường K, thành phố Cần Thơ và có với nhau hai người con chung là: Võ Thị N (nữ), sinh ngày: 02/10/1998 và Võ Văn N1 (nam), sinh ngày: 09/10/2000 đã trưởng thành. Do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn với nhau làm tình cảm ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 07/2025 bà L đã không còn tiếp tục sống chung với ông K. Nhận thấy, cuộc sống chung như vợ chồng với ông K không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục sống chung được với nhau. Nay bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K có 02 người con chung tên Võ Thị N (nữ), sinh ngày: 02/10/1998 và Võ Văn N1 (nam), sinh ngày: 09/10/2000 đã trưởng thành lao động được, bà L không yêu cầu xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Võ Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Võ Văn K không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không phải là quan hệ vợ chồng;

Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K có 02 người con chung tên Võ Thị N (nữ), sinh ngày: 02/10/1998 và Võ Văn N1 (nam), sinh ngày: 09/10/2000 đã trưởng thành lao động được, không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không phải là quan hệ vợ chồng. Quan hệ pháp luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Võ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập cuộc sống chung vào năm 1998 trên tinh thần tự nguyện và đã có với nhau hai người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét lời thừa nhận về tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không có ý kiến phản đối; Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 12/01/2026 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cần Thơ xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K chưa đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Phạm Thị L về quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà Phạm Thị L với ông Võ Văn K nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật, quy định tại điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, giữa bà L và ông Võ Văn K đang tồn tại quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nên chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Vì vậy cần phải căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

để giải quyết, tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K có 02 người con chung tên Võ Thị N (nữ), sinh ngày: 02/10/1998 và Võ Văn N1 (nam), sinh ngày: 09/10/2000 đã trưởng thành lao động được, bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Thị L và bị đơn Võ Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K có 02 người con chung tên Võ Thị N (nữ), sinh ngày: 02/10/1998 và Võ Văn N1 (nam), sinh ngày: 09/10/2000 đã trưởng thành lao động được, bà L không yêu cầu xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007957 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), bà Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND Phường Khánh Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

